

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 497 /UBND-TH

Bình Định, ngày 08 tháng 02 năm 2023

V/v báo cáo tình hình vay
lại vốn vay ODA, vay ưu
đãi nước ngoài của Chính
phủ năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài chính về tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ 06 tháng cuối năm và năm 2022 trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ NSNN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2022 Đến ngày 31/12/2022

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HĐ vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	373.370,0	8.617.379.121		33.735,37				33.735,37	339.634,61	8.042.887.180					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	2.264.491,29	52.264.458.973		98.918	22.644,91			121.562,91	2.165.573,29	51.282.941.080					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.145.999,53	49.529.669.152		85.140	21.460,00			106.600,00	2.060.859,53	48.803.214.530					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	5.459.860,74	126.013.585.879	1.162.156,99	444.594,05	35.279,87	0,00	0,00	479.873,92	6.177.423,68	146.287.570.166					
4.1	Nguồn vốn IDA			3.089.846,20		1.135.785,88	444.594,05	35.279,87			479.873,92	3.781.038,03	89.538.761.588					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.370.014,54		26.371,11					0,00	2.396.385,65	56.748.808.578					
	TỔNG CỘNG																	
	USD			10.243.721,54		1.162.157,0	662.387,42	79.384,78	0	0	741.772,20	10.743.491,11		-	-	-	-	-
	...																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				236.425.093.126	27.222.869.671	15.521.458.350	1.887.353.376	0	0	17.408.811.726		254.416.612.957	-	-	-	-	-
						-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2022 Đến ngày 31/12/2022

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới						
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	373.369,98	8.617.379.121	339.634,61	8.042.887.180		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2.264.491,29	52.264.458.973	2.165.573,29	51.282.941.080		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2.145.999,53	49.529.669.152	2.060.859,53	48.803.214.530		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	5.459.860,74	126.013.585.879	6.177.423,68	146.287.570.166		
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)	10.243.721,54	236.425.093.126	10.743.491,11	254.416.612.957	0	0
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)		2.865.800.000.000				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	396.543,2	9.191.871.062		56.908,58				56.908,58	339.634,61	8.042.887.180					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	2.289.141,35	53.062.296.493	74.267,94	197.836	46.560,69			244.396,69	2.165.573,29	51.282.941.080					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.231.139,53	51.717.814.305		170.280	43.771,40			214.051,40	2.060.859,53	48.803.214.530					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	5.711.119,30	132.383.745.374	1.355.984,38	889.680,00	68.988,71	0,00	0,00	958.668,71	6.177.423,68	146.287.570.166					
4.1	Nguồn vốn IDA			3.341.104,76		1.329.613,27	889.680,00	68.988,71			958.668,71	3.781.038,03	89.538.761.588					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.370.014,54		26.371,11					0,00	2.396.385,65	56.748.808.578					
	TỔNG CỘNG																	
	USD			10.627.943,37		1.430.252,3	1.314.704,58	159.320,80	0	0	1.474.025,37	10.743.491,11		-	-	-	-	-
	...																	
	Tổng quy USD			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				246.355.727.234	33.428.015.775	30.771.786.342	3.746.776.732	0	0	34.518.563.074		254.416.612.957	-	-	-	-	-
						-	-	-	-	-	-			-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới						
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	396.543,19	9.191.871.062	339.634,61	8.042.887.180		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	2.289.141,35	53.062.296.493	2.165.573,29	51.282.941.080		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tải sản đường địa phương (LRAMP)	2.231.139,53	51.717.814.305	2.060.859,53	48.803.214.530		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	5.711.119,30	132.383.745.374	6.177.423,7	146.287.570.166		
	Tổng dư nợ (quy VND)	10.627.943,37	246.355.727.234	10.743.491,11	254.416.612.957	0	0
	Hạn mức nợ theo quy định (VND)		2.865.800.000.000				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**
Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: 5749-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2016 đến năm 2022
- Tổng mức đầu tư: 284.680.000.000 đồng
- Tổng số vốn vay: 11.990.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 25% vốn IDA (2.997.500 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn IDA	7.535.357	2.511.786	1.457.143	485.714
	Tổng cộng (USD)	7.535.357	2.511.786	1.457.143	485.714
	Quy ra VNĐ	178.444.780.118	59.481.593.373	34.506.612.382	11.502.204.127

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Tỉnh Bình Định có 2 tiểu dự án: (i) Dự án năm thứ nhất: Sửa chữa hồ chứa nước Thạch Bàn đã bàn giao công trình đưa vào sử dụng; (ii) Dự án năm thứ 2: Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Định (Năm 2) gồm 15 hồ chứa nước; trong đó: đã thi công hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 15 hồ chứa nước (Lỗ Môn, Hồ Cùng, Cự Lễ, Đá Bàn, Giao Hội, Kim Sơn, Hóc Tranh, Mỹ Đức, An Tường, Núi Miếu, Trinh Văn, Hưng Long, Suối Rùn, Hồ Tranh và Cây Me).

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng: Được bố trí đầy đủ theo nhu cầu của dự án

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**
Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: 5810-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2021
- Tổng mức đầu tư: 201, 97 tỷ đồng
- Tổng số vốn vay: 8.600.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 30% và 50% vốn IDA (tối đa 2.772.273 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn IDA	5.404.652	2.316.280	615.348	455.993
	Tổng cộng (USD)	5.404.652	2.316.280	615.348	455.993
	Quy ra VNĐ	127.987.570.335	54.851.815.858	14.572.049.665	10.798.381.055

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

- Công tác khôi phục và cải tạo các tuyến đường tỉnh đã hoàn thành xong và nghiệm thu đưa vào sử dụng 11 tuyến đường tỉnh đạt 100% kế hoạch.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng:

UBND tỉnh Bình Định đã bố trí vốn đối ứng cho dự án là 9,25 tỷ đồng, tính đến 31/12/2022 Sở Giao thông vận tải đã sử dụng 7,901 tỷ đồng chủ yếu cho công tác giải phóng mặt bằng và quản lý dự án, tỷ lệ sử dụng vốn 85,42% so kế hoạch.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**
Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án thành phố Quy Nhơn
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: IBRD 8745-VN; IDA 6027-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2022
- Tổng mức đầu tư: 55.303.993 USD; Trong đó: Vốn ODA là 50.083.182 USD và Vốn đối ứng là 5.220.811 USD.
- Tỷ lệ vay lại: 100% vốn IBRD (5.125.000 USD); 30% vốn IDA (13.487.455 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Lũy kế vốn vay ODA đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo			Vốn vay ODA còn lại chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo		
		Cấp phát	Vay lại	Cộng	Cấp phát	Vay lại	Cộng
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7
1	Vốn IBRD	-	2.375.452,86	2.375.452,86		2.749.547,14	2.749.547,14
2	Vốn IDA	10.898.342,05	4.670.718,02	15.569.060,07	20.572.386,29	8.816.736,98	29.389.123,27
Tổng cộng		10.898.342,05	7.046.170,88	17.944.512,93	20.572.386,29	11.566.284,12	32.138.670,41
Quy ra VNĐ		258.083.638.007	166.860.372.609	424.944.010.616	487.174.679.655	273.901.174.246	761.075.853.900

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Dự án được điều chỉnh có 36 gói thầu và công việc thực hiện, trong đó: Hợp phần 1 có 15 gói thầu (Xây lắp 09 gói, Hàng hóa 02 gói và Tư vấn 04 gói); Hợp phần 2 có 01 gói thầu (Xây lắp); Hợp phần 3 là Công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hợp phần 4 có 20 gói thầu (Tư vấn) và các công việc khác không đấu thầu. Trong đó, Hợp phần 1 và Hợp phần 2 sử dụng vốn ODA, còn lại sử dụng vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh. Đến nay các gói thầu sử dụng vốn ODA đã được ký kết 16 gói thầu/16 gói; tiến độ thực hiện các gói thầu đảm bảo theo tiến độ hợp đồng và yêu cầu của WB.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng năm 2022:

Năm 2022, Dự án được phân bổ vốn đối ứng là 6,362 tỷ đồng, đã giải ngân đến 31/12/2022 là 4,141 tỷ đồng, đạt 65,09 % so với kế hoạch năm 2022.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Không.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.

